

BÁO CÁO THÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH SÀNG LỌC SƠ SINH

Thời gian báo cáo: Từ ngày 01/10/2018 đến 31/10/2018

Đơn vị: BV Đa Khoa Vạn Hạnh

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 07/12/2018)

I - CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN

STT	Thông tin	Số lượng	Tị lệ			
1	Tổng số mẫu	52				
2	Giới tính					
	Nam	23				
	Nữ	29				
	Nam/Nữ	0.7	9			
3	Phương pháp sinh					
	Sinh mổ	38	73%			
	Sinh thường	13	25%			
	N/A	1	02%			
4	Tuổi mẹ khi sinh (Chi tiết tại Trang 2)					
	Dưới 18 tuổi	0	00%			
	Từ 18 đến 35 tuổi	44	85%			
	Trên 35 tuổi	8	15%			
5	Sinh con thứ 3 trở lên (Dựa vào Para)					
	Sinh con thứ 3	2	04%			
	Sinh con thứ 4	0	00%			
	Sinh con thứ 5 trở lên	0	00%			
6	Cân nặng trẻ (g)					
	< 2500	3	06%			
	2500 ≤ X < 3000	13	25%			
	3000 ≤ X < 3500	23	44%			
	3500 ≤ X < 4000	12	23%			
	4000 ≤ X < 5000	1	02%			
	≥ 5000	0	00%			
7	Gói xét nghiệm					
	2 bệnh	0	00%			
	3 bệnh	0	00%			
	5 bệnh	52	100%			
	2 bệnh + Hemo	0	00%			
	3 bệnh + Hemo	0	00%			
	5 bệnh + Hemo	0	00%			
8	Chương trình sàng lọc					
	Quốc gia	0	00%			
	Xã hội hóa	52	100%			
	Demo	0	00%			



BÁO CÁO THÔNG KÊ CHƯƠNG TRÌNH SÀNG LỌC SƠ SINH

Thời gian báo cáo: Từ ngày 01/10/2018 đến 31/10/2018

Đơn vị: BV Đa Khoa Vạn Hạnh

(Lưu ý: Báo cáo thống kê có giá trị tại thời điểm xuất báo cáo ngày 07/12/2018)

I - CÁC CHỈ TIỀU CƠ BẢN								
STT	Thông tin	Nguy cơ thấp L1 (Mẫu thu lần 1)	Nguy cơ cao L2 (Mẫu thu lần 1)	Tổng (Mẫu thu lần 1)	Nguy cơ thấp L2 (Mẫu thu lần 2)	Nguy cơ cao L2 (Mẫu thu lần 2)	Tổng (Mẫu thu lần 2)	
1	Cân nặng trẻ (g)	50	2	52	0	0	0	
	< 2500	3	0	3	0	0	0	
•••••	$2500 \le X < 3000$	13	0	13	0	0	0	
•••••	$3000 \le X < 3500$	21	0	23	0	0	0	
•••••	$3500 \le X < 4000$	12	0	12	0	0	0	
•••••	$4000 \le X < 4500$	1	0	1	0	0	0	
•••••	$4500 \le X < 5000$	0	0	0	0	0	0	
•••••	≥ 5000	0	0	0	0	0	0	
2	Tuổi mẹ	50	2	52	0	0	0	
	13	0	0	0	0	0	0	
	14	0	0	0	0	0	0	
•••••	15	0	0	0	0	0	0	
	16	0	0	0	0	0	0	
	17	0	0	0	0	0	0	
	$18 \le X \le 20$	3	0	3	0	0	0	
	20 ≤ X < 25	7	0	8	0	0	0	
	$25 \le X < 30$	12	0	12	0	0	0	
	$30 \le X < 35$	20	0	21	0	0	0	
	$35 \le X < 40$	7	0	7	0	0	0	
	40 ≤ X<45	1	0	1	0	0	0	
	≥ 45	0	0	0	0	0	0	
3	Dân tộc	50	2	52	0	0	0	
	Kinh	42	2	44	0	0	0	
	Khác	4	0	4	0	0	0	
	Ba na	0	0	0	0	0	0	
	Bố y	0	0	0	0	0	0	
	Brâu	0	0	0	0	0	0	
	Cao Lan	0	0	0	0	0	0	
	Chăm	0	0	0	0	0	0	
	Chơ ro	0	0	0	0	0	0	
	Chu ru	0	0	0	0	0	0	
	Chứt	0	0	0	0	0	0	
	Cill	0	0	0	0	0	0	
	Со	0	0	0	0	0	0	
							Trang 2	

Cơ ho	0	0	0	0	0	0
Cờ lao	•	0	0	0	0	0
Cống		0	0	0	0	0
Dao	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Ê dê		0	0	0	0	0
Gia rai	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Giấy		0	0	0	0	0
Gié triêng		0	0	0	0	0
H mông	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
H rê		0	0	0	0	0
Hà nhì		0	0	0	0	0
Ноа	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	3	0	0	0
K tu		0	0	0	0	0
Kháng	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Khơ me		0	0	0	0	0
Khơ mú	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
La chí		0	0	0	0	0
La ha	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
La hù		0	0	0	0	0
Lào		0	0	0	0	0
Lô lô	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Lự		0	0	0	0	0
M nông		0	0	0	0	0
Mą		0	0	0	0	0
Mång		0	0	0	0	0
Mường		0	0	0	0	0
Ngái	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Nùng	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
O đu		0	0	0	0	0
Pà th ể n	0	0	0	0	0	0
Phù lá	0	0	0	0	0	0
Pu péo	0	0	0	0	0	0
Rag lai	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Rơ man	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Sán chay	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Sán dìu	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	1	0	0	0
Si la	• • • • • • • • • • • • • • • • • • • •	0	0	0	0	0
Tà ôi	0	0	0	0	0	0
Tày	0	0	0	0	0	0
Thái		0	0	0	0	0
Thổ	0	0	0	0	0	0
Vân kiều	0	0	0	0	0	0
X tiêng	0	0	0	0	0	0
						Trang 3

Xinh mun	:	0	0	0	0	0
Xơ đăng		0	0	0	0	0